

Số: 67 /2016/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 08 tháng 12 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bố trí dân cư tỉnh Bắc Kạn  
giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020”;*

*Xét Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân thông qua Dự án rà soát, bổ sung quy hoạch bố trí dân cư tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bố trí dân cư tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2025, với những nội dung sau:

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát:

Hạn chế thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra, ứng phó với biến đổi khí hậu; ổn định và nâng cao đời sống người dân vùng dự án; bố trí dân cư gắn liền với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đặc biệt ở các vùng rừng đầu nguồn, Vườn Quốc gia Ba Bể, Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ, huyện Na Rì và Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

b) Mục tiêu cụ thể:

Hoàn thành bố trí ổn định dân cư ở các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng. Giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2025 bố trí ổn định dân cư cho 2.609 hộ dân. Trong đó, giai đoạn 2015 - 2020 tổ chức bố trí ổn định cho 1.088 hộ dân; định hướng giai đoạn 2020 - 2025 tổ chức bố trí ổn định cho 1.521 hộ dân.

Hình thành các cụm dân cư mới với kết cấu hạ tầng được hoàn thiện hơn và đáp ứng các phúc lợi công cộng, bố trí vùng sản xuất hợp lý theo quy hoạch và phù hợp với xây dựng nông thôn mới.

Đến năm 2025, xây dựng, chỉnh sửa cơ bản hệ thống kết cấu cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng quy hoạch. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; phát triển các dịch vụ trên cơ sở khai thác lợi thế địa lý, tiềm năng về đất đai, sông hồ, tài nguyên phục vụ sản xuất hàng hoá.

Nâng cao đời sống sau bố trí, ổn định lại dân cư. Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo ở vùng dự án bố trí dân cư dưới 10%/ năm; tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 95%; sử dụng điện đạt 95 - 100%; tỷ lệ nhà kiên cố đạt 80%.

## 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy hoạch bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, vùng di cư tự do và khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh.

### b) Đối tượng áp dụng:

Hộ gia đình bị mất nhà ở, đất ở, đất sản xuất do sạt lở đất, lũ quét, lũ ống, sụt lún đất, lốc xoáy;

Hộ gia đình sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất đá, lũ quét, lũ ống, sụt lún đất, ngập lũ, lốc xoáy;

Hộ gia đình sống ở vùng đặc biệt khó khăn về đời sống như: Thiếu đất, thiếu nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng, ô nhiễm môi trường và tác động phóng xạ;

Hộ gia đình di cư tự do không theo quy hoạch bố trí dân cư, đời sống còn khó khăn;

Hộ gia đình sinh sống ở khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài;

Cộng đồng dân cư tiếp nhận hộ tái định cư tập trung và xen ghép.

## 3. Phương án quy hoạch bố trí ổn định dân cư

a) Tổng số Dự án quy hoạch là 79; tổng số hộ dân thuộc diện quy hoạch là 2.609.

*(Có danh mục các Dự án kèm theo)*

b) Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ các vùng tái định cư:

San gạt mặt bằng: San mặt bằng cho các dự án bố trí dân cư tập trung, diện tích 280.100 m<sup>2</sup>, tổng vốn đầu tư là 40 tỷ đồng.

Đầu tư nâng cấp đường giao thông 17,8 km, tổng vốn đầu tư là 35,6 tỷ đồng.

Đầu tư làm mới đường giao thông 48,1 km, tổng vốn đầu tư là 144,3 tỷ đồng.

Xây dựng công trình kè chống sạt lở, tổng vốn đầu tư là 5 tỷ đồng.

Thủy lợi: Xây dựng hệ thống công trình thủy lợi, đắp hồ đập, kênh mương, tổng vốn đầu tư là 35,4 tỷ đồng.

Nước sinh hoạt: Đầu tư hệ thống nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho 1.387 hộ dân, tổng vốn đầu tư là 56,7 tỷ đồng.

Nhà văn hóa: Đầu tư 28 công trình nhà văn hóa, tổng vốn đầu tư là 14 tỷ đồng.

Xây dựng lớp học: Đầu tư lớp học, nhà công vụ giáo viên, tổng vốn đầu tư là 7 tỷ đồng.

Đầu tư 47,2 km đường dây điện hạ thế 0,4 KV, tổng vốn đầu tư là 30,4 tỷ đồng.

Đầu tư 29 trạm biến áp 50 KVA, tổng vốn đầu tư 18 tỷ đồng.

Đầu tư 07 trạm biến áp 75 KVA, tổng vốn đầu tư là 4,9 tỷ đồng.

c) Quy hoạch phát triển sản xuất:

Hỗ trợ khai hoang và tạo nương cố định 290 ha, tổng vốn hỗ trợ là 3,3 tỷ đồng với 100% vốn ngân sách Trung ương.

Hỗ trợ trực tiếp mua phân bón, giống cây, dụng cụ sản xuất cho 778 hộ, tổng vốn hỗ trợ là 5,4 tỷ đồng với 100% vốn Trung ương.

Nhà nước hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ gia đình được bố trí ổn định đến vùng dự án bố trí dân cư để ổn định đời sống. Hỗ trợ cho 979 lao động, tổng vốn hỗ trợ là 2 tỷ đồng.

Tổng vốn đầu tư cho phát triển sản xuất là 10,7 tỷ đồng với 100% vốn Sự nghiệp kinh tế Trung ương hỗ trợ.

#### 4. Giải pháp thực hiện

a) Cơ chế chính sách: Chính sách đất đai; chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; chính sách hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình; chính sách hỗ trợ cộng đồng bố trí dân cư xen ghép; các chính sách khác thực hiện theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015, định hướng đến năm 2020.

b) Giải pháp về nguồn vốn đầu tư:

Tổng vốn khái toán là 609,2 tỷ đồng. Trong đó: Vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương là 572,5 tỷ đồng chiếm 94%; vốn địa phương lồng ghép là 36,7 tỷ đồng chiếm 6%.

Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg, ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015, định hướng đến năm 2020.

Nguồn vốn ngân sách địa phương, vốn lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn để xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện công tác khuyến nông - lâm - ngư nghiệp, đào tạo cán bộ, phát triển nguồn lực, đào tạo nghề. Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trong vùng quy hoạch bố trí dân cư.

Phân kỳ nguồn vốn đầu tư quy hoạch: Giai đoạn 2015 - 2020 là 371,4 tỷ đồng và giai đoạn 2020 - 2025 là 237,8 tỷ đồng.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

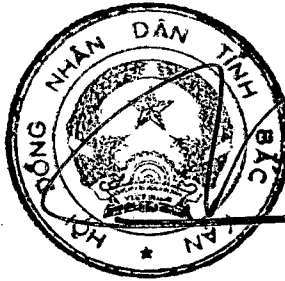
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa IX, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2016./.

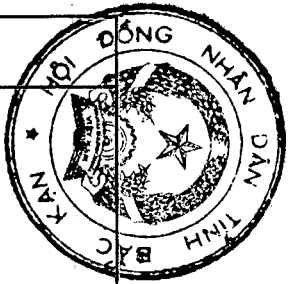
**Nơi nhận:** ~~M~~

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (Ủy ban TVQH);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, HS

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Du**



**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH BỐ TRÍ ỒN ĐỊNH DÂN CƯ TỈNH BẮC KẠN**  
**GIẢI ĐOẠN 2015 - 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 67 /2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh)*

Phân theo giai đoạn

STT	Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn					
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)	Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)	Bố trí ồ n định tại chỗ	Bố trí ồ n định tại chỗ		
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ồ n định tại chỗ	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ồ n định tại chỗ
<b>TOÀN TỈNH</b>									
		2.609	79	538	229	321	174	823	524
<b>I</b>	<b>DỰ ÁN BỐ TRÍ TẬP TRUNG</b>	712	20	538			174		
1	Dự án bố trí ồ n định tập trung dân cư khẩn cấp thôn Nà Tu, xã Cẩm Giang, huyện Bạch Thông	59		59					
2	Dự án bố trí ồ n định tập trung dân cư vùng thiên tai các vùng đặc biệt khó khăn khu Nà Mò, thôn Bản Mạn, xã Bằng Thành, huyện Pác Nặm	24		24					
3	Dự án bố trí ồ n định tập trung dân cư vùng thiên tai sạt lở đất, đá lăn thôn Phiêng Liêng 2, xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn	21		21					
4	Dự án bố trí ồ n định tập trung dân cư vùng thiên tai sạt lở đất thôn Nà Bày, xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn	15		15					
5	Dự án bố trí ồ n định tập trung dân cư vùng thiên tai tại khu Pù Pén, thôn Nà Chảo - Nà Tấu, xã Công Bằng, huyện Pác Nặm	30		30					
6	Dự án bố trí ồ n định tập trung dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn khu Khuổi Sưa, thôn Bản Nà, xã Nghiên Loan, huyện Pác nặm	20		20					
7	Dự án bố trí ồ n định tập trung dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn khu Cốc Lùng, thôn Bản Đình, xã Nghiên Loan, huyện Pác Nặm	20		20					

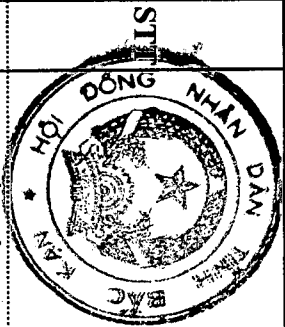
STT	Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn			
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)		Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)	
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ	Bố trí xen ghép
8	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai khu Cốc Càng, thôn Pác Liên, xã Nghiến Loan, huyện Pác Nặm	15		15			
9	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng đặc biệt khó khăn tại khu Khen Đin, thôn Bản Nghè, xã Cỏ Linh, huyện Pác Nặm	40		40			
10	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai thôn Khuổi Nộc, xã Lương Thượng, huyện Na Rì	86		86			
11	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai Cầu Vàng Đeng, xã Lương Thượng, huyện Na Rì	16		16			
12	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn khu Phiêng Càng, thôn Nà Tàng, xã Hảo Nghĩa, huyện Na Rì	60		60			
13	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng đặc biệt khó khăn khu Cốc Rằm, thôn Khuổi Vạc, xã Vũ Loan, huyện Na Rì	75		75			
14	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn khu Đàng Mò, thôn Khuổi Đeng 2, xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới	25		25			
15	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Đông Dăm, xã Hà Hiệu, huyện Ba Bể	32		32			
16	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai tại khu Khuổi Kện, thôn Tân Hội, xã An Thắng, huyện Pác Nặm	22			22		
17	Dự án bố trí ổn định tập trung dân cư các hộ nằm trong rừng đặc dụng khu Nà Lìn - Nà Tuồng, thôn Chợ B, xã Cồn Minh, huyện Na Rì	37				37	



**Tên Dự án**

STT	Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn							
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)	Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)	Bổ trợ tập trung (TĐC)	Bổ trợ xen ghép	Bổ trợ ổn định tại chỗ	Bổ trợ tập trung (TĐC)	Bổ trợ xen ghép	Bổ trợ ổn định tại chỗ
18	Dự án bổ trợ ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn khu Tà Lạn, thôn Nà Diệc, xã Lang San, huyện Nà Rì	50					50				
19	Dự án bổ trợ ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn thôn Cốc Phịa, xã Ân Tĩnh, huyện Nà Rì	35					35				
20	Dự án bổ trợ ổn định tập trung dân cư vùng thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn khu Cốc Cướm, xã Cao kỳ, huyện Chợ Mới	30					30				
<b>II</b>	<b>DỰ ÁN BỔ TRỢ ỔN ĐỊNH TẠI CHỖ</b>	<b>826</b>	<b>23</b>			<b>321</b>					<b>505</b>
1	Dự án bổ trợ ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai khẩn cấp khu Nà Cây, thôn Thôm Mò, xã Quân Bình, huyện Bạch Thông	23				23					
2	Dự án bổ trợ ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn các thôn Lũng Lầu, Nặm Tấc, xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông	71				71					
3	Dự án bổ trợ ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai các thôn Nam Đội Thán, Tân Thành, Nà Bàn, Khuổi Trang, Nà Kẹ, Nà Choong, Nà Diều, xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn	26				26					
4	Dự án bổ trợ ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai các thôn, tổ thuộc phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn	33				33					
5	Dự án bổ trợ ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Bó Mòn, xã Trung Hoà, huyện Ngân Sơn	16				16					
6	Dự án bổ trợ ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Càng Cào, xã Trung Hoà, huyện Ngân Sơn	31				31					

STT	Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn			
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)		Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)	
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép
7	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Khuổi Slào, xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn	31		31			
8	Dự án hỗ trợ ổn định tại chỗ dân cư các thôn Thủy Điện, Địa Cát, Bó Lịn, Nà Ít, Nà Pái, Đon Báy, xã Vi Hương, huyện Bạch Thông	100					100
9	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai các thôn Còi Mò, Nà Bàn, Nà Xe, Nà Còi, xã Tân Tiến, huyện Bạch Thông	11					11
10	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Khuổi Khoang, thôn Nà Khoang, xã Vũ Muộn, huyện Bạch Thông	30					30
11	Hỗ trợ ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai tổ Tân Cư, phường Xuất Hóa, thành phố Bắc Kạn	9					9
12	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn các thôn Cốc Lào, Khâu Slôm, Nà Hín, Nà Thiêm xã Giáo Hiệu, huyện Pác Nặm	29					29
13	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư thôn Nà Mới, xã Hữu Thác, huyện Na Rì	30					30
14	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Phía Páng, xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn	34					34
15	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Thái Lạo, bản Cháo xã Yên Cư, huyện Chợ Mới	90		90			
16	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Nà Quang (Thảm Ca) xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới	18					18



**Tên Dự án**

**Phân theo giai đoạn**

	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn			
			Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)	Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)	Bố trí tập trung xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ
17	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai thôn Năm Bó, xã Yên Dĩnh, huyện Chợ Mới	10				10
18	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Mỏ Khang, Xã Hòa Mục, huyện Chợ Mới	13				13
19	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Cốc Pái, xã Địa Linh, huyện Ba Bể	21				21
20	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Tôm Lâm, xã Bành Trạch, huyện Ba Bể	39				39
21	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Nà Chả, Phiêng Toán, Bàn Piêng, Kéo Pưt, Dài Khao, xã Cao Trĩ, huyện Ba Bể	68				68
22	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng di cư tự do thôn Khuổi Dẫy, xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	62				62
23	Dự án bố trí ổn định tại chỗ dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Phiêng Đén, xã Tân Lập, huyện Chợ Đồn	31				31
<b>III</b>	<b>PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ XEN GHEP</b>	<b>1.071</b>	<b>36</b>	<b>229</b>	<b>823</b>	<b>19</b>
1	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Pác Năm, Khuổi Khí, xã Bàng Thành, huyện Pác Năm	26		26		
2	Bố trí dân cư xen ghép dân cư vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn các thôn Nà Pùng, Phia Bay, Bàn Sàng, xã Cỏ Linh, huyện Pác Năm	22		22		

STT	Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn				
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)		Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)		
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép
3	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Nà Hoi, Khâu Vai, Nà Lây, Khuổi Bẻ, Phiêng Lũng, Nà Nghè, Nà Phây, Lũng Páng xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm	63		63				
4	Bố trí dân cư xen ghép các thôn Khuổi Coóc, Tênh Kiệt, xã Thượng Quan huyện Ngân Sơn	10		10				
5	Bố trí dân cư xen ghép dân cư vùng thiên tai tổ 1, tổ 2, tổ 6, tổ 7 thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới	37		37				
6	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai thôn Khuổi Lót, xã Thanh Bình và bố trí xen ghép cho một số hộ dân tại các thôn sau khi mở rộng Khu công nghiệp Thanh Bình Giai đoạn II, huyện Chợ Mới.	6		6				
7	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai thôn Nà Giáo, Loòn Lũng, Nà Nghè, Khuổi Luôm, Nà Pải, xã Yên Dương, huyện Ba Bẻ	32		32				
8	Bố trí dân cư xen ghép dân cư vùng rừng đặc dụng, thiên tai các thôn thuộc xã Khang Ninh, huyện Ba Bẻ	14		14				
9	Bố trí dân cư xen ghép dân cư vùng rừng đặc dụng và thiên tai tại thôn Khuổi Kện, xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn	19		19				
10	Bố trí dân cư xen ghép dân cư vùng thiên tai xã Tú Trĩ, huyện Bạch Thông	10				10		
11	Bố trí dân cư xen ghép dân cư vùng thiên tai các thôn Chiêng, Nà Vàng, xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông	4						4
12	Bố trí dân cư xen ghép dân cư vùng thiên tai thôn Cốc Thóc, xã Vi Hương, huyện Bạch Thông	5						5




Tên Dự án

Phân theo giai đoạn

STT	Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)		Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)		
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép
13	Sắp xếp xen ghép dân cư vùng đặc biệt khó khăn các thôn thuộc xã Nghiễn Loan, huyện Pác Năm	196					196	
14	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn các thôn Khuổi Ò, Phai Khim, Nà Bè, Vỹ Lập, Phiêng Tạc, Ngâm Vàng, Nặm Khiếu, Slam Vè, xã Nhạn Môn huyện Pác Năm	58					58	
15	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Nà Bàn, Khấp Khinh, Cốc Nọi, xã Công Bằng, huyện Pác Năm	8					8	
16	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Phiêng Puộc, Bàn Nhảm, Nà Quang, Chè Pang, Nà Lài, Ta Đào xã Cao Tân, huyện Pác Năm	59					59	
17	Bố trí xen ghép dân cư vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Phiêng Cọng, Khuổi Khi, Khuổi Bốc xã Xuân La, huyện Pác Năm	12					12	
18	Bố trí dân cư xen ghép và hỗ trợ ổn định tại chỗ vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn các thôn thuộc xã Cường Lợi, huyện Na Rì	7					1	6
19	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai các thôn thuộc xã Lam Sơn, huyện Na Rì	9					9	
20	Bố trí dân cư xen ghép và hỗ trợ ổn định tại chỗ vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn các thôn Pò Rản, Pò Lài, Pò Cẩu, Nà Cầm, xã Văn Học, huyện Na Rì	7					1	6
21	Bố trí dân cư xen ghép và hỗ trợ ổn định tại chỗ vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn các thôn Sác Sái, Khuổi Quan, xã Cư Lễ huyện Na Rì	6					3	3

STT	Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn							
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)				Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)			
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ		
22	Bố trí dân cư xen ghép và hỗ trợ ổn định tại chỗ vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn các thôn Nà Bó, Nà Pí, Khuổi Tây A, xã Liềm Thủy, huyện Na Ri	7					3			4	
23	Bố trí dân cư xen ghép thôn Nà Pán, xã Trung Hòa, huyện Ngân Sơn	10					10				
24	Bố trí dân cư xen ghép thôn Khuổi Bìn, xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn	11					11				
25	Bố trí dân cư xen ghép khu Lũng Pu, thôn Nà Lạn, xã Lãng Ngâm, huyện Ngân Sơn	8					8				
26	Bố trí dân cư xen ghép dân cư vùng đặc biệt khó khăn khu Thơm Bắc, thôn Mỏ Khang, xã Hòa Mục, huyện Chợ Mới	10					10				
27	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai, vùng rừng đặc dụng các thôn Nà Phai, Đán Mây, Nà Nghè, Khâu Qua, Nặm Dài, Bản Cắm, xã Nam Mẫu, huyện Ba Bè	154					154				
28	Bố trí dân cư xen ghép vùng đặc biệt khó khăn và thiên tai các thôn thuộc xã Phúc Lộc, huyện Ba Bè	70					70				
29	Sắp xếp dân cư xen ghép vùng đặc biệt khó khăn, thiên tai các thôn Tân Lượ, thôn Nà Biooc, xã Đồng Phúc, huyện Ba Bè	37					37				
30	Sắp xếp dân cư xen ghép vùng thiên tai các thôn Nà Chá, Bản Ngừ 1, Bản Ngừ 2, xã Cao Trĩ, huyện Ba Bè	32					32				
31	Sắp xếp dân cư xen ghép vùng thiên tai các thôn Kéo Sáng, Nà Ché, Nà Tạ, Pia Khao, Nà Hán, Pác Phai, xã Thượng Giáo, huyện Ba Bè	44					44				

STT	Tên Dự án	Số hộ	Tổng số Dự án	Phân theo giai đoạn				
				Giai đoạn 2015 - 2020 (Số hộ)		Giai đoạn 2020 - 2025 (Số hộ)		
				Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép	Bố trí ổn định tại chỗ	Bố trí tập trung (TĐC)	Bố trí xen ghép
32	 Sắp xếp dân cư xen ghép vùng thiên tai các thôn Khuổi Sáng, Bản Hòn, Pác Châm, Lũng Diéc, Bản Lấp, xã Bạch Trách, huyện Ba Bể		6				6	
33	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai các thôn thuộc xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn		20				20	
34	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn các thôn Nà Cà, Nà Huống, Bản Bày, Nà Mòn, Pắc Cộp, xã Yên Thương, huyện Chợ Đồn		18				18	
35	Bố trí dân cư xen ghép vùng đặc biệt khó khăn thôn Vằng Doọc, xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn		23				23	
36	Bố trí dân cư xen ghép vùng thiên tai các thôn thuộc xã Đại Sào, huyện Chợ Đồn		11				11	